

KHẢ NĂNG HỘI NHẬP CỦA NGUỒN NHÂN LỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM TRONG AEC

TS. Vũ Đình Ánh – Chuyên gia Kinh tế

Để làm việc trong Cộng đồng kinh tế ASEAN (ASEAN Economic Community - AEC), trước hết người lao động cần phải có chứng chỉ chuyên môn được công nhận, sau đó là yêu cầu về ngôn ngữ. Ngoài ra, người lao động cần trang bị các kỹ năng mềm khác như làm việc nhóm, khả năng thích nghi với cường độ làm việc cao, khả năng thích nghi với những khác biệt về văn hóa. Đây cũng chính là những rào cản khiến lao động Việt Nam yếu thế trong cuộc cạnh tranh khốc liệt trên thị trường lao động khi hội nhập AEC. 8 ngành nghề mà các nước thành viên ASEAN công nhận lẫn nhau và lao động tay nghề cao được phép tự do di chuyển bao gồm: kỹ thuật (engineering services), kiến trúc (architectural services), điều dưỡng (nursing services), khảo sát (surveying qualifications), hành nghề y khoa (medical practitioners), nha khoa (dental practitioners), kế toán (accountancy services), du lịch (tourism professionals), chỉ chiếm 1,5% tổng số việc làm trong khu vực. ASEAN có 10 nước thành viên với hơn 600 triệu dân, chiếm khoảng 9% dân số, 10% lực lượng lao động, 3% GDP toàn thế giới.

1. Hội nhập trong khuôn khổ AEC

Tính đến cuối năm 2015, Việt Nam đã ký 10 hiệp định thương mại tự do (FTA), cả song phương và đa phương. Đặc biệt chỉ trong năm 2015, Việt Nam đã hoàn tất đàm phán 2 hiệp định thương mại tự do có tính đột phá là TPP và Việt Nam – EU cùng với việc đẩy mạnh đàm phán tiến tới ký kết thêm 4 FTA nữa trong thời gian tới, chưa kể một FTA giữa ASEAN – Canada đang xem xét. Về bản chất, hiệp định thương mại tự do là các cam kết nhằm đảm bảo tự do luân chuyển các yếu tố sản xuất và tiêu dùng từ hàng hóa, dịch vụ, công nghệ đến vốn và lao động giữa các bên tham gia FTA thông qua cắt giảm và tiến tới xóa bỏ các hàng rào ngăn cản sự luân chuyển tự do này. Trong đó, quan trọng nhất là cam kết xóa bỏ hàng rào thuế quan theo lộ trình nhất định đi đôi với bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Ngay từ đầu năm 2016, Việt Nam đã chính thức tham gia AEC. Đây là một trong những bước tiến quan trọng nhất trong tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu của nước ta. Song đứng trước cánh cửa hội nhập AEC, chúng ta vẫn thấy nhiều cơ hội và thách thức đan xen. Nếu biết tận dụng tốt cơ hội từ AEC thì kinh tế Việt Nam có thể bứt phá ngoạn mục, khẳng định vị thế nền kinh tế lớn trong khu vực và vươn ra thế giới. Nếu không, cơ hội sẽ trở thành thách thức. Ngược lại, thách thức từ mức độ cạnh tranh

cao ngay trong khu vực buộc chúng ta phải thay đổi, phải vượt lên chính mình lần đổi thủ cạnh tranh, biến thách thức thành cơ hội.

Trước hết, thị trường các yếu tố đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ trở nên thống nhất giữa các thành viên AEC. Theo đó, nguồn nguyên nhiên vật liệu, sức lao động, vốn đầu tư sẽ tự do luân chuyển đến những nơi có sức hấp dẫn nhất, có hiệu quả cao nhất mà không phân biệt nơi đó là quốc gia nào trong AEC. Vì vậy, Việt Nam nói chung và từng doanh nghiệp Việt Nam nói riêng phải không ngừng thu hút các nguồn lực tốt nhất, sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn lực đó cho phát triển kinh tế, cho sản xuất kinh doanh. Nói cách khác, chúng ta phải nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường các yếu tố đầu vào cho sản xuất kinh doanh trong khuôn khổ AEC.

Năm 2015, lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế ước tính 52,9 triệu người, tăng 142 nghìn người so với năm 2014. Trong đó, tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 44,3% (năm 2014 là 46,3%); khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 22,9% (năm 2014 là 21,5%); khu vực dịch vụ chiếm 32,8% (năm 2014 là 32,2%). Cũng trong năm 2015, lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc khu vực thành thị chiếm 31,2% (năm 2014 là 30,4%); khu vực nông thôn chiếm 68,8% (năm 2014 là 69,6%). Tỷ lệ lao động trong độ tuổi đã qua đào tạo năm 2015 ước tính đạt 21,9%, cao hơn mức 19,6% của năm trước, trong đó lao động qua đào tạo khu vực thành thị đạt 38,3% (năm 2014 là 35,9); khu vực nông thôn đạt 13,9% (năm 2014 là 12,0).

Nguồn: Tổng cục thống kê (TCTK).

Thứ hai, thị trường các sản phẩm hàng hóa dịch vụ AEC rộng mở cho tất cả các doanh nghiệp thuộc AEC theo qui tắc thị trường chung, không còn bị chia cắt bởi các hàng rào thuế quan cũng như phi thuế quan. Khi đó, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải cạnh tranh một cách bình đẳng với hàng vạn doanh nghiệp khác trong AEC mà không được bảo vệ bằng một biện pháp bảo hộ thiên vị nào. Sự tồn tại và phát triển của mỗi doanh nghiệp chỉ còn phụ thuộc vào sức cạnh tranh của chính doanh nghiệp đó thông qua việc cung cấp các sản phẩm hàng hóa dịch vụ cho tất cả người dân thuộc AEC với chất lượng tốt nhất, đáp ứng nhu cầu cao nhất và giá cả cạnh tranh nhất.

Thứ ba, AEC không chỉ yêu cầu sự đồng nhất về các yếu tố thị trường mà còn tiến tới đồng nhất về thể chế kinh tế giữa các quốc gia thành viên. Do đó, các cơ chế chính sách và thủ tục hành chính liên quan đến kinh tế sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với chuẩn mực của AEC. Hơn nữa, thông qua việc cải cách thể chế kinh tế, Việt Nam cũng như các thành viên khác của AEC sẽ nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia không chỉ trong khuôn khổ AEC mà còn trên phạm vi châu lục và toàn cầu.

Thứ tư, quan hệ kinh tế, về thương mại và đầu tư, giữa Việt Nam với các nước trên thế giới tất yếu sẽ có những thay đổi quan trọng khi chuyển từ quan hệ song phương và đa phương truyền thống sang quan hệ với tư cách là thành viên của một khối kinh tế thống nhất AEC. Qua đó, quan hệ kinh tế quốc tế cũng sẽ có những thay đổi cơ bản cả về lượng và chất.

Rõ ràng, việc dự báo những cơ hội và thách thức, đồng thời chuẩn bị các điều kiện cần thiết để nắm bắt cơ hội và vượt qua thách thức khi tham gia AEC không chỉ là công việc của Chính phủ, của các Bộ ngành mà còn là trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương, của mỗi doanh nghiệp, thậm chí của mỗi người dân, trong đó có nhân lực kế toán.

2. Khả năng hội nhập của nguồn nhân lực kế toán Việt Nam trong AEC

Thỏa thuận trong khuôn khổ AEC cho phép dịch chuyển tự do lao động có kỹ năng cao, hành nghề chuyên nghiệp. Tuy những ngành nghề này chỉ chiếm 1% tổng lực lượng lao động của Việt Nam. Song dù muốn hay không thì người lao động Việt Nam đều chịu tác động trực tiếp hoặc gián tiếp từ tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu, rộng và nhanh với các mức độ khác nhau tùy theo lĩnh vực hoạt động và khả năng ứng phó của mỗi doanh nghiệp, mỗi người lao động trong môi trường hội nhập.

Báo cáo 6 tháng đầu năm 2014 của VietnamWorks cho thấy, thị trường nhân lực Việt Nam tăng trưởng 23% so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó, nguồn cung nhân lực ngành kế toán tăng 69% so với cùng kỳ. Tỷ lệ cạnh tranh trong ngành này cũng vô cùng khốc liệt, trung bình cứ một hồ sơ nộp vào vị trí ngành kế toán sẽ phải cạnh tranh với 98 hồ sơ khác.

Nguồn: Vnexpress.net 4/7/2014

2.1. Khả năng cạnh tranh về năng suất còn hạn chế

Theo Tổng cục thống kê, năng suất lao động xã hội của cả nền kinh tế Việt Nam năm 2015 theo giá hiện hành ước đạt 79,3 triệu đồng/lao động (khoảng 3657 USD/lao động). Năng suất lao động xã hội bình quân giai đoạn 2006 - 2015 tăng 3,9%/năm, trong đó giai đoạn 2006 - 2010 tăng 3,4%/năm; giai đoạn 2011 - 2015 tăng 4,2%/năm. Năng suất lao động xã hội năm 2015 tăng 23,6% so với năm 2010 - thấp hơn so với mục tiêu đề ra là tăng 29% - 32%. Năng suất lao động của nước ta hiện nay vẫn còn ở mức thấp so với các nước trong khu vực và không đồng đều giữa các ngành, các lĩnh vực. Khoảng cách tương đối về năng suất lao động tuy đã giảm đáng kể nhưng khoảng cách tuyệt đối (chênh lệch mức năng suất lao động) giữa Việt Nam với các nước ASEAN có trình độ phát triển cao như Singapore, Malaysia, Thái Lan, Indonesia lại gia tăng. Nguyên nhân

chủ yếu là do: Cơ cấu kinh tế chậm chuyển dịch, lao động trong nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao trong khi năng suất lao động ngành nông nghiệp ở nước ta còn thấp; máy móc, thiết bị và quy trình công nghệ còn lạc hậu; chất lượng, cơ cấu lao động chưa đáp ứng yêu cầu; hiệu quả sử dụng vốn và lao động chưa cao; trình độ tổ chức, quản lý còn nhiều bất cập; tăng trưởng chủ yếu dựa vào đóng góp của yếu tố vốn và lao động, đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) còn thấp. Ngoài ra, còn một số “điểm nghẽn” và “rào cản” về thể chế và thủ tục hành chính chưa được khắc phục.

2.2. Khả năng tiếp cận thông tin thị trường lao động còn thấp

Doanh nghiệp và người lao động rất cần những thông tin cụ thể, thiết thực liên quan đến quá trình hội nhập bởi nó có ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp cũng như việc làm cho người lao động. Đối doanh nghiệp, việc hội nhập kinh tế sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từ đầu vào cho đến đầu ra, không chỉ ở thị trường trong nước mà còn cả thị trường khu vực và toàn cầu, thông qua tiến trình xoá bỏ các hàng rào thuế quan và phi thuế quan. Đồng thời, doanh nghiệp cũng cần có những thông tin về các đối thủ cạnh tranh trực tiếp và tiềm năng. Người lao động cần thông tin về cơ hội việc làm liên quan đến trình độ năng lực hiện tại và khả năng nâng cao trình độ năng lực của họ trong tương lai. Tiếc rằng những thông tin như vậy đối với mỗi doanh nghiệp, mỗi người lao động lại quá hiếm hoi và khó tiếp cận.

2.3. Chất lượng lao động thấp và cơ cấu lao động bất cập

Theo Ngân hàng thế giới (WB), Việt Nam đang rất thiếu đội ngũ lao động lành nghề và công nhân kỹ thuật bậc cao. Về chất lượng nguồn nhân lực, Việt Nam chỉ đạt 3,79/10 điểm, xếp thứ 11/12 nước châu Á tham gia xếp hạng của WB, trong khi Thái Lan và Malaysia lần lượt đạt 4,94 và 5,59 điểm.

Bên cạnh đó, cơ cấu nguồn nhân lực của Việt Nam cũng có nhiều bất cập. Theo đúng quy luật, số lượng người lao động trực tiếp có trình độ trung cấp/sơ cấp phải lớn hơn rất nhiều lần so với số lượng lao động gián tiếp có trình độ từ đại học trở lên. Tính đến quý II/2015, cơ cấu trình độ lao động Việt Nam là: 1,0 từ đại học trở lên – 0,35 cao đẳng – 0,65 trung cấp – 0,4 sơ cấp.

Thêm nữa, sự chuẩn bị về kiến thức, kỹ năng và thái độ cũng như tâm lý sẵn sàng di chuyển sang làm việc tại các nước ASEAN của lao động Việt Nam chưa thật sự thuyết phục.

2.4. Khả năng sử dụng ngoại ngữ hạn chế

Thỏa thuận trong khuôn khổ AEC về 8 lĩnh vực ngành nghề được tự do di chuyển có kèm theo yêu cầu lao động phải qua đào tạo và nếu thông thạo ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh sẽ được di chuyển tự do hơn. Tuy nhiên, trình độ tiếng Anh của lao động Việt

Nam còn quá thấp và rất ít người lao động có khả năng sử dụng ngôn ngữ của các nước ASEAN như Thái Lan, Lào, Campuchia,... Những hạn chế này đang trở thành thách thức đối với công tác giáo dục. Kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp từ các cơ sở đào tạo, các trường đại học lớn và có uy tín về chuyên ngành kế toán - kiểm toán của Việt Nam cho thấy: kiến thức, tư duy về các vấn đề toàn cầu còn hạn chế, khó hội nhập sâu rộng với ngành kế toán, kiểm toán quốc tế. Có tới 2/3 khảo sát trả lời chưa thể nắm bắt được công việc kế toán hay kiểm toán ngay khi được giao mà phải qua đào tạo, hướng dẫn lại. Với kiến thức chủ yếu là lý thuyết hàn lâm, đội ngũ nhân lực kế toán - kiểm toán mới tốt nghiệp đại học chưa đáp ứng được ngay yêu cầu thực tế của các đơn vị kinh tế trong nước; và gần như 100% khảo sát tự cảm thấy chưa thể cung ứng ngay dịch vụ kế toán - kiểm toán cho các đơn vị kinh tế nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Nguyên nhân là do rất yếu về ngoại ngữ, chỉ mới biết đọc tài liệu, còn các kỹ năng nghe, nói thực hành đều rất yếu. Như vậy, đội ngũ này cũng chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường việc làm trong nước, chưa kể đến việc ra nước ngoài⁶³.

2.5. Thiếu cơ chế công nhận lẫn nhau về chuyên môn

Hệ thống giáo dục, đào tạo Việt Nam cần triển khai áp dụng khung trình độ quốc gia theo khung tham chiếu của ASEAN đã được phê duyệt; thúc đẩy sự hình thành và phát triển hệ thống chuyển đổi tín chỉ, thực hiện công nhận văn bằng và chuyển đổi tín chỉ giữa các nước trong khu vực ASEAN và thế giới. Đồng thời xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo các lĩnh vực trong 8 lĩnh vực nghề nghiệp đã được ASEAN thỏa thuận. Mặc dù AEC đã hình thành nhưng vẫn còn nhiều rào cản về văn hóa, ngôn ngữ, tiếp nhận của xã hội, tôn giáo, kỹ năng sống đối với lao động di cư và cả sự khác biệt về cơ chế đào tạo, trình độ, quản lý, đánh giá, cấp văn bằng chứng chỉ ở mỗi quốc gia. Ông Simon Matthews, Giám đốc của Manpower Group tại Việt Nam, Thái Lan và Trung Đông, cho rằng để lao động trình độ cao có thể tự do di chuyển trong AEC, lao động đó phải chứng minh được trình độ kỹ thuật, khả năng ngôn ngữ (tiếng Anh, hoặc tiếng của nước sở tại) cũng như những kỹ năng mềm khác như làm việc theo nhóm, sử dụng máy tính, hiểu về văn hóa của nước sở tại,... song AEC lại chưa có một thước đo chung cho mỗi ngành nghề và công nhận lẫn nhau về trình độ (MRA-Mutual Recognition Arrangement)⁶⁴. Do đó, Bộ Tài chính cần sớm đàm phán MRA đối với nghề kế toán⁶⁵. Ngoài ra, về lý thuyết, lao động có kỹ năng cao thuộc 8 ngành nghề quy định có thể tự

⁶³ www.vacpa.org.vn

⁶⁴ Cho tới thời điểm tháng 12/2015, các nước ASEAN đã ký 8 Thỏa thuận khung thừa nhận lẫn nhau (MRA) trong 8 lĩnh vực dịch vụ là: Kiến trúc, Tư vấn kỹ thuật, Điều dưỡng, Hành nghề y, Nha sỹ, Du lịch, Kế toán kiểm toán, và Khảo sát.

⁶⁵ Thỏa thuận khung ASEAN thừa nhận lẫn nhau về hành nghề **Kế toán và Kiểm toán**, Cha-am, Thái Lan, 26 tháng 2 năm 2009

do di chuyển được. Tuy nhiên, trong thực tiễn còn rất nhiều việc phải làm như chia sẻ kinh nghiệm, ký kết các hiệp định tương hỗ bảo hiểm xã hội, giảm nghèo, an sinh xã hội, bảo hiểm thất nghiệp,...

2.6. Chất lượng đào tạo thấp so với chuẩn quốc tế

Khi tham gia vào AEC, lao động Việt Nam có cơ hội tìm kiếm việc làm ở các quốc gia phát triển như Singapore, Thái Lan,... Tuy nhiên, thách thức lớn nhất là kiến thức, kỹ năng phải được công nhận giữa các nước ASEAN. Trong khi có tới một nửa số doanh nghiệp Việt Nam cho biết, người lao động phổ thông và cả những lao động đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu cơ bản của doanh nghiệp.

Theo PGS.TS. Đặng Văn Thanh⁶⁶, đội ngũ kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ theo quy chuẩn quốc tế còn quá mỏng về số lượng và hạn chế về chất lượng. Chương trình đào tạo kế toán viên và kiểm toán viên chưa được chuẩn hóa. Việc tổ chức thi và cấp chứng chỉ diễn ra rất thưa thớt (mỗi năm 1 lần); và suốt 20 năm qua đều do Bộ Tài chính đảm nhiệm thay vì các tổ chức nghề nghiệp như thông lệ các nước. Chức danh nghề nghiệp, chứng chỉ nghề nghiệp chưa được xác lập và thừa nhận theo các tiêu chuẩn quốc tế. Do đó, Việt Nam có hơn 90 triệu dân, chiếm 1/6 dân số của các nước ASEAN, nhưng số kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề chỉ chiếm khoảng 2% tổng số kế toán viên, kiểm toán viên hiện có của các nước ASEAN (4.000/196.000). Rõ ràng đây là điểm yếu về nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán.

Ngành kế toán – kiểm toán có nguồn cung lao động cao, song lại có tỷ lệ thất nghiệp cao mặc dù nhu cầu tuyển dụng cũng cao do “Thừa số lượng nhưng thiếu chất lượng”. Theo thông tin phản hồi từ các doanh nghiệp tuyển dụng nhân sự cho bộ phận kế toán: có đến 80% – 90% những sinh viên được tuyển dụng chưa có khả năng tiếp cận ngay được với công việc của một “Kế toán” thực sự.

Những sinh viên tốt nghiệp từ các trường đại học được trang bị rất tốt về lý thuyết và nguyên tắc hạch toán kế toán nhưng lại không được thực hành nhiều nên kỹ năng làm việc còn nhiều hạn chế. Công việc của 1 kế toán viên thật sự ở doanh nghiệp không chỉ đơn thuần là hạch toán đúng với quy định của chế độ kế toán và tuân thủ tốt chuẩn mực kế toán mà còn phải tuân thủ đúng luật thuế và các luật chuyên ngành khác. Nhưng chính luật thuế và các luật chuyên ngành khác liên quan đến công tác kế toán thì những sinh viên mới ra trường lại nắm chưa thật chắc và đặc biệt là chưa có kinh nghiệm để xử lý sao cho có lợi nhất cho phía doanh nghiệp. Khỏi kiến thức chung mang nặng tính lý thuyết giáo điều, trong khi khối kiến thức chuyên ngành lại bị xé lẻ. Các doanh nghiệp thì lại muốn tuyển những người có thể làm công việc chuyên môn được ngay

⁶⁶ www.thoibaotaichinhvietnam.vn 27/5/2016

để giảm bớt chi phí và thời gian đào tạo. Số lượng học viên trong một lớp quá lớn (30 đến 100 sinh viên/lớp), trong khi đó chỉ có 1 giảng viên hướng dẫn nên việc đào tạo kỹ năng làm việc ở các trường đại học là hết sức hạn chế.

Dự đoán đến năm 2018, mức độ tăng trưởng của ngành kế toán lên đến 22%. Nhiều vị trí cần năng lực chuyên môn cao như giám đốc tài chính, kế toán trưởng,... ở nhiều doanh nghiệp hiện được giao cho người nước ngoài với mức lương cao. Các nhà tuyển dụng đánh giá cao tư duy độc lập và khả năng sáng tạo để tìm ra các giải pháp. Chương trình học tập cần cho phép sinh viên làm chủ việc học, khuyến khích tư duy độc lập và giải quyết vấn đề thông qua chuỗi các hoạt động liên quan tới tài chính và kinh tế, thông qua kỹ năng đọc hiểu và soạn thảo trong các môn học chuyên đề, các buổi thảo luận có hướng dẫn và các buổi thuyết trình.

Nguồn: www.aum.edu.vn

Hiện tại, một số cơ sở đào tạo đã và đang chú trọng hơn đến vấn đề đào tạo nguồn nhân lực kế toán - kiểm toán với chất lượng quốc tế. Tuy nhiên, các cơ sở đào tạo chất lượng cao như vậy chưa thực sự nhiều ở Việt Nam. Xét tổng thể, nhân lực ngành kế toán - kiểm toán của Việt Nam có khả năng cạnh tranh kém, mặc dù số lượng lao động dồi dào, giá rẻ nhưng không đáp ứng được nhu cầu nhà tuyển dụng⁶⁷. Hiện chỉ có gần 5.000 người có chứng chỉ kế toán, kiểm toán quốc tế - thấp hơn nhiều so với những quốc gia trong khu vực. Thị trường dịch vụ kiểm toán có sự tham gia của khoảng 150 doanh nghiệp, phục vụ khoảng 40.000 doanh nghiệp trong và ngoài nước⁶⁸ và hơn 100 tổ chức làm dịch vụ kế toán với trên 10.000 lao động. Do đó, Việt Nam cần gấp rút bổ sung nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán đạt chuẩn quốc tế. Theo đó, cần gấp rút xây dựng và vận hành chương trình đào tạo huấn luyện, chính thức hóa và chuẩn hóa chứng chỉ kế toán viên và kiểm toán viên; tổ chức lại quy trình đào tạo, thi và cấp chứng chỉ kế toán viên, kiểm toán viên, quy trình quản lý hành nghề và kiểm soát chất lượng dịch vụ kế toán và kiểm toán phù hợp với thông lệ quốc tế.

PGS.TS. Đặng Thái Hùng (Vụ trưởng Vụ Chế độ Kế toán và Kiểm toán, Bộ Tài chính) đánh giá⁶⁹ rằng nguồn nhân lực về tài chính, kế toán, kiểm toán của Việt Nam đã sẵn sàng cho hội nhập kinh tế, nhưng số lượng và chất lượng mang tầm quốc tế vẫn là vấn đề cần cải thiện. Bởi các chứng chỉ về kế toán, kiểm toán ở Việt Nam hiện còn mang tính cục bộ, chưa mang tính quốc tế cao. Do vậy, việc nhiều tổ chức đào tạo, cấp chứng

⁶⁷ www.vacpa.org.vn

⁶⁸ www.hanoimoi.com.vn 18/12/2015

⁶⁹ www.baomoi.com 20/6/2016

chỉ kế toán, kiểm toán thế giới vào Việt Nam sẽ tạo ra cơ hội và là động lực để nguồn nhân lực này phát triển hơn.

Tóm lại, khả năng hội nhập của nguồn nhân lực kế toán Việt Nam trong AEC sẽ được đảm bảo và phát huy khi và chỉ khi có cơ chế, chính sách để kế toán Việt Nam và các nước trong AEC thực hiện quá trình hài hòa hóa với chuẩn mực kế toán, kiểm toán quốc tế. Theo đó, các cơ sở đào tạo kế toán theo nội dung phù hợp với yêu cầu hội nhập AEC và được công nhận lẫn nhau (MRA). Bên cạnh đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, tăng cường đào tạo thực hành, đào tạo gắn với thực tiễn, trang bị các kỹ năng mềm và khả năng sử dụng ngoại ngữ để nguồn nhân lực kế toán khi ra trường có thể làm việc được ngay mà doanh nghiệp không phải đào tạo lại.